

Số: 87 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 23 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm
và những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2014**

Phần thứ nhất

NHỮNG MỤC TIÊU CƠ BẢN ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2013

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) 7,10% (số liệu báo cáo tại Kỳ họp thứ 6-HĐND tỉnh 7,1%).
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,53% (giảm 0,16%).
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,31% (tăng 7,31%).
- Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 12,23% (tăng 12,23%).
- Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,04%-công nghiệp, xây dựng 48,21%-Thương mại, dịch vụ 34,75% (17,05 - 48,21 - 34,74).
- GDP bình quân đầu người đạt 30,5 triệu đồng (30,5 triệu đồng).
- Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.703 triệu USD (1.700 triệu USD).
- Thu ngân sách đạt 6.085 tỷ đồng; thu nội địa 4.311 tỷ đồng, thu thuế xuất, nhập khẩu 1.774 tỷ đồng (5.700 tỷ đồng; thu nội địa 4.100 tỷ đồng, xuất nhập khẩu 1.600 tỷ đồng).
- Tổng vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 19.681 tỷ đồng (19.984 tỷ đồng).
- 25,5% trường mầm non, 64,1% trường tiểu học, 34,9% trường THCS và 27% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.
- 20% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,9%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 47%; tạo thêm việc làm mới cho 1,9 vạn lao động; tỷ lệ hộ nghèo còn 5,1% (5,77%).
- Tỷ lệ số làng, khu phố văn hoá đạt 84% (81%); tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 87%.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2014 trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước vừa có những thuận lợi, nhưng cũng không ít thách thức, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và diễn biến khó lường. Trong tỉnh, sức mua trên thị trường thấp; khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp chưa được cải thiện; thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp... Song với sự tập trung quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền,

sự nỗ lực phấn đấu của các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm 2014 đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

I. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

Sáu tháng đầu năm 2014 các chỉ tiêu cơ bản ước đạt: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) 7,06% (KH 7,2-7,5%/năm). Giá trị sản xuất (so với cùng kỳ năm trước): nông nghiệp và thủy sản tăng 0,94%; thương mại và dịch vụ tăng 10,23%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,35%; tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 9.853 tỷ đồng, tăng 10,19%; kim ngạch xuất khẩu 988 triệu USD, tăng 31,77%; thu ngân sách 3.500 tỷ đồng, đạt 55,6% kế hoạch; chi ngân sách địa phương 2.875 tỷ đồng, đạt 51,9% kế hoạch (gửi kèm phụ lục một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm 2014 để các đại biểu tham khảo).

1. Sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp-thủy sản chịu ảnh hưởng của thời tiết, đầu vụ rét đậm, mưa phùn kéo dài, sâu bệnh gây hại, dịch cúm gia cầm xảy ra trên địa bàn xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm. Với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành, sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển ổn định và được mùa. Giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản ước đạt 6.158 tỷ đồng, tăng 0,94%; trong đó: Nông nghiệp đạt 5.623 tỷ đồng, tăng 0,52%; đàn trâu, bò sản lượng tăng 4,8 đến 20%; thủy sản đạt 527 tỷ đồng, tăng 5,68%.

Diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân toàn tỉnh đạt 60.744 ha, giảm 1,37%. Kết quả gieo trồng một số loại cây hàng năm như sau: diện tích gieo cấy lúa đạt 39.534 ha, lúa chất lượng cao chiếm 54,3%, tăng 2,3%, lúa lai chiếm 24,9%, năng suất ước đạt 66,49 tạ/ha, giảm 1,64%; ngô 6.944 ha, giảm 3,87%, năng suất 55,73 tạ/ha, tăng 0,49%; cây đậu tương 1.377 ha, năng suất 19,24 tạ/ha, tăng 0,97%; rau, đậu, hoa và cây cảnh 9.066 ha, tăng 2,21%. Cây hàng năm khác 298 ha, tăng 19,68%.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm do giá sản phẩm đầu ra thấp, chi phí sản xuất tăng. Giá trị sản xuất chăn nuôi ước đạt 2.392 tỷ đồng; trong đó: đàn trâu 2.319 con, tăng 10,11%, sản lượng 120 tấn, tăng 16,5%; đàn bò 36.402 con, sản lượng 1.465 tấn, tăng 4,8%; đàn lợn 522.000 con, giảm 9,7%, sản lượng 50.475 tấn; đàn gia cầm có 7,6 triệu con, sản lượng 13.372 tấn, tăng 0,5%. Diện tích nuôi trồng thủy sản 4.400 ha, sản lượng thủy sản 16.600 tấn, tăng 5,96%, giá trị sản xuất thủy sản 527 tỷ đồng, tăng 5,68%.

Chủ động lấy nước nên cơ bản diện tích gieo trồng đủ nước tưới; xây dựng phương án và chuẩn bị phòng, chống lụt, bão, úng. Xây dựng Quy hoạch phòng chống lũ sông Hồng, sông Luộc. Hoàn thành duy tu, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống đê điều trước mùa mưa bão. Tích cực triển khai xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các hoạt động hỗ trợ giống, khuyến nông, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.

Tích cực thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tổng nguồn vốn huy động xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm 2014 đạt 4.837 tỷ đồng; trong đó: Ngân sách nhà nước 322 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 165 tỷ đồng, tín dụng 4.350 tỷ đồng, để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, cải

thiện đời sống người dân. Đã làm mới gần 85 km và nâng cấp 135 km đường giao thông nông thôn, kiên cố hoá trường lớp học, xây dựng các dự án nước sạch, đầu tư hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng làm đường giao thông thôn, xóm, đường ra đồng 70 tỷ và trên 4 nghìn tỷ đồng nhân dân đầu tư xây dựng, chỉnh trang nhà cửa, khuôn viên gia đình, phát triển sản xuất kinh doanh. Đến nay, bình quân toàn tỉnh đạt 10,08 tiêu chí/xã, tăng 1,5 tiêu chí so với năm 2013, có 38 xã đạt từ 13 đến 17 tiêu chí (26% số xã).

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng

Sản xuất công nghiệp tuy còn nhiều khó khăn, song vẫn tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm công nghiệp-xây dựng ước đạt 9.135 tỷ đồng. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 7,35%; trong đó: Khai thác tăng 8,14%, chế biến tăng 7,29%, sản xuất và phân phối điện khí đốt tăng 14,57%. Một số sản phẩm chủ yếu tăng trên 10% như: Thép cán các loại, sản phẩm kim loại, dây điện, sơn, mỳ, quần áo, bao bì... Trên địa bàn tỉnh không để xảy ra các hành động quá khích ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do tác động của việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép Hải Dương 981 vào thềm lục địa của Việt Nam.

Thu hút thêm được 38 dự án đầu tư mới (trong đó 14 dự án trong nước, 24 dự án nước ngoài) với số vốn đăng ký 546,4 tỷ đồng và 126,4 triệu USD; so với cùng kỳ năm trước tăng 16 dự án và gấp đôi số vốn đăng ký, chủ yếu là các dự án có quy mô nhỏ, nhiều dự án phải điều chỉnh mục tiêu, điều chỉnh tiến độ triển khai. Đưa tổng số dự án trên địa bàn tỉnh 1.129 dự án (840 dự án trong nước, 289 dự án nước ngoài) với tổng số vốn đăng ký 67,7 nghìn tỷ đồng và 2,5 tỷ USD. Có thêm 5 dự án mới đi vào hoạt động, đưa tổng số dự án đi vào hoạt động 704 dự án, giải quyết việc làm cho trên 11,5 vạn lao động.

Trong tổng số 5.283 doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, có 60% doanh nghiệp đang hoạt động, 40% doanh nghiệp đăng ký nhưng chưa hoạt động. Từ đầu năm đến nay có 185 doanh nghiệp thành lập mới, 20 doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế, 21 doanh nghiệp đã làm thủ tục giải thể.

Tăng cường công tác quản lý các lĩnh vực: Kiến trúc-quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản, kinh tế xây dựng và vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, rà soát, kiểm tra điều chỉnh các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình phát triển đô thị huyện Mỹ Hào, Chương trình phát triển đô thị thành phố Hưng Yên giai đoạn 2014-2020 định hướng đến năm 2030; xây dựng Chương trình phát triển nhà tỉnh Hưng Yên đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Khu công nghiệp Phố Nối A mở rộng. Tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi tiếp tục triển khai các dự án, khu đô thị, chợ (Khu đô thị Ecopark, Dremcity, chợ Như Quỳnh v.v...).

3. Thương mại, dịch vụ

Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh khá phong phú, đa dạng, giá cả ổn định, thuận lợi cho nhân dân mua sắm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 8.897 tỷ đồng, tăng 10,02% so cùng kỳ. Trong đó, kinh tế: Nhà nước tăng 14,4%, tập thể tăng 0,93%, cá thể tăng 9,62%, tư nhân tăng 10,7%, vốn đầu tư nước ngoài tăng 32,9%. Phân theo ngành kinh tế: Thương nghiệp tăng 10,11%; khách sạn, nhà hàng tăng 11,14%; dịch vụ tăng 7,7%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân chung so cùng kỳ năm trước tăng 3,76%. Trong đó: Nhóm nhà hàng và dịch vụ ăn uống tăng 4,02%; đồ uống và thuốc lá tăng 7,5%; hàng may mặc mũ nón, giày dép tăng 5,2%; nhà ở điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,3%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,2%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,04%; dịch vụ giao thông tăng 3,33% v.v...

Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước đạt 988 triệu USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế: Ngoài nhà nước 382 triệu USD, tăng 46,73%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 606 triệu USD, tăng 23,8%. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Dệt may tăng 8,4%, giày dép các loại tăng 9%, sản phẩm bằng plastic tăng 94,6%, hàng điện tử tăng 30,3%. Tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1.196 triệu USD, tăng 26,9%. Trong đó, khu vực ngoài nhà nước tăng 51,8%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 12,2%. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Vải may mặc tăng 11%, phụ liệu may mặc tăng 7,7%, linh kiện điện tử tăng 4,2%.

4. Tài chính-tiền tệ

Do chủ động và tích cực trong công tác thu, đẩy mạnh xử lý nợ đọng thuế nên kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt khá. Tổng thu ước 3.500 tỷ đồng, đạt 55,6% kế hoạch năm, tăng 19,8% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa 2.450 tỷ đồng (54,9% kế hoạch), tăng 23,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.050 tỷ đồng (55,9% kế hoạch), tăng 20,7%. Có 7/13 khoản thu, sắc thuế đạt trên 50% dự toán HĐND tỉnh giao như: Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN 51,3% kế hoạch; thuế thu nhập cá nhân 61%; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 53%; thu khác ngân sách 85%. Chi ngân sách địa phương ước 2.875 tỷ đồng, đạt 51,9% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển 745 tỷ đồng, đạt 52,43%; chi thường xuyên 2.130 tỷ đồng, đạt 53,8%.

Công tác quản lý tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, thị trường vàng, ngoại tệ được tăng cường. Mặc dù lãi suất tín dụng giảm, nhưng tổng nguồn vốn của các ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh tính đến cuối tháng 6 ước đạt 33.450 tỷ đồng, so với đầu năm tăng 6,2% (vốn huy động tại địa phương ước 26.135 tỷ đồng, tăng 9,92%); tổng dư nợ cho vay ước 28.160 tỷ đồng, tăng 4,82% (dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn đạt 12.100 tỷ đồng, chiếm 43% tổng dư nợ, tăng 5,29%; dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 8.680 tỷ đồng, chiếm 30,8% tổng dư nợ). Nợ xấu ước 530 tỷ đồng, chiếm 1,88% dư nợ, giảm 15,58%.

5. Đầu tư phát triển

Thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh tăng khá, nhất là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực nhà nước. Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 9.853 tỷ đồng, tăng 10,19% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vốn đầu tư nhà nước đạt 1.663 tỷ đồng, tăng 9,57%; vốn đầu tư ngoài nhà nước đạt 5.986 tỷ đồng, tăng 7,63%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 2.204 tỷ đồng, tăng 18,32%.

Vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ kế hoạch giao đầu năm 2.327,6 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách nhà nước 1.420 tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ 906,8 tỷ đồng. Đến 30/6/2014 khối lượng thực hiện ước 1.305 tỷ đồng, đạt 56,1% kế hoạch vốn năm; cấp phát 1.204 tỷ đồng, đạt 51,7% kế hoạch. Trong 6 tháng đầu năm vốn bổ sung gồm: 38 tỷ đồng vốn TPCP hỗ trợ đối ứng các dự án ODA, 60 tỷ đồng vốn TPCP hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới, 160 tỷ đồng vốn từ nguồn thu tiền thuê đất KCN Thăng Long II. Tỉnh đã tiến hành rà soát, điều chỉnh giảm quy mô, tổng mức đầu tư của 6 dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ và được giao bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016 là 1.147 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 9 dự án ODA đang triển khai, tính đến 30/6/2014 khối lượng thực hiện ước 35 tỷ đồng và giải ngân 31,5 tỷ đồng, đạt 29,17% so kế hoạch vận động năm. Dự án Phát triển hạ tầng thủy lợi huyện Ân Thi vốn ODA của Cơ quan Phát triển Pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án.

6. Tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được tăng cường. Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015 của các huyện, thành phố. Công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp, đã tiến hành giao đất ngoài thực địa cho nông dân được 19 xã (trong đó có 15/22 xã làm điểm), bình quân 40% số hộ còn 1 thửa. Xử lý đất dôi dư được 45,6 tỷ đồng, các huyện đã có số thu cao như: Tiên Lữ gần 10 tỷ đồng, Văn Lâm gần 8 tỷ đồng, Phù Cừ 5,6 tỷ đồng; các huyện, thành phố còn lại xử lý thu đạt thấp. Hoàn thành xử lý 02 cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (bãi rác thải An Vũ, Bệnh viện Đa khoa tỉnh) và nhiều điểm vi phạm môi trường được xử lý. Cấp giấy chứng nhận QSD đất đạt 88,12% số thửa đủ điều kiện. Dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai tại tỉnh (dự án VLAP) đang được triển khai tích cực theo đúng kế hoạch. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, cấp 08 Giấy phép khai thác cát trên địa bàn tỉnh; chấn chỉnh việc cho thuê bến bãi chứa vật liệu xây dựng dọc tuyến sông Hồng, sông Luộc; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường, tiến hành thanh tra, kiểm tra 12 cuộc tại 33 đơn vị; xử lý vi phạm 10 đơn vị, tổng số tiền phạt 418,9 triệu đồng và yêu cầu các đơn vị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh; trong đó trên 50% kinh phí dành cho thực hiện các đề tài, dự án phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đã tổ chức triển khai thực hiện 35 đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ; nghiệm thu, tổng kết 17 đề tài, dự án thực hiện năm 2013, tổ

chức 18 lớp tập huấn chuyên giao cho hơn 1.500 lượt người; xây dựng 08 mô hình trình diễn áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Công tác quản lý về tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng, quản lý công nghệ, an toàn bức xạ và sở hữu trí tuệ được tăng cường; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường. Thực hiện kiểm định 3.748 phương tiện đo các loại, phát hiện và loại bỏ 80 phương tiện đo không đạt yêu cầu; thanh tra, kiểm tra 99 cơ sở, xử phạt 04 cơ sở vi phạm 21 triệu đồng.

7. Giao thông vận tải

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án: Đường tỉnh lộ 200, đường đê tả sông Hồng, đặc biệt là đường giao thông nông thôn ngày càng được triển khai rộng khắp trên toàn tỉnh, làm mới được 85 km đường bê tông. Hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách cơ bản được quản lý và đi vào nề nếp, nhất là trong dịp lễ, Tết. So với cùng kỳ năm trước, tổng doanh thu vận tải 1.005 tỷ đồng, tăng 12,25%; khối lượng hành khách vận chuyển tăng 4,75%, hành khách luân chuyển tăng 5,36%; khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 3,46%; hàng hoá luân chuyển tăng 3,65%. Triển khai xử lý xe quá tải, các Trạm cân lưu động trên một số tuyến đường; từ đầu tháng 02 đến ngày 20/6/2014, đã kiểm tra 699 xe quá tải, quá khổ, trong đó có 153 xe vi phạm, buộc hạ tải 103 xe, xử phạt 598 triệu đồng, tước giấy phép lái xe 137 trường hợp. Chấn chỉnh công tác cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm xe ô tô; tổ chức khám sức khỏe cho 1.370 lái xe trên địa bàn tỉnh, phát hiện và loại khỏi danh sách 01 lái xe nghiện ma túy.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được chú trọng, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt. Từ ngày 16/11/2013 đến ngày 15/6/2014, toàn tỉnh đã xảy ra 104 vụ tai nạn giao thông, tăng 3 vụ; chết 71 người, không tăng giảm; bị thương 85 người, tăng 10 người so với cùng kỳ năm trước.

8. Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo được quan tâm, chất lượng giáo dục đào tạo được nâng lên. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tăng nhanh ở các ngành học, bậc học. Tỷ lệ học sinh được xét tốt nghiệp THPT đạt 98,92%. Tổ chức hoàn thành kỳ thi tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình là 99,9%, Hưng Yên là tỉnh thứ 7 đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; là tỉnh thứ 6 được Bộ GD-ĐT công nhận, tặng Cờ đơn vị đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hoàn thành chuyển đổi 159 trường mầm non bán công sang công lập, tuyển dụng gần 2.900 giáo viên, nhân viên y tế trường học. Kỳ thi chọn HSGQG có 39 học sinh đạt giải (06 giải nhì, 14 giải ba). Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đảm bảo, 328 phòng học mầm non, phổ thông được xây mới, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 84,8%; dành 52 tỷ đồng mua sắm trang thiết bị, đồ chơi cho các trường mầm non; 11 trường mầm non, phổ thông được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; đến nay toàn tỉnh có 236 trường đạt

chuẩn quốc gia (Mầm non 45 trường, Tiểu học 116 trường, THCS 64 trường, THPT 11 trường). Trường Đại học Thủy Lợi đang đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng trong Khu Đại học Phố Hiến.

9. Y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác giám sát các bệnh truyền nhiễm gây dịch được tổ chức, thực hiện thường xuyên. Ngành Y tế và các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh tuyên truyền và phòng chống các dịch bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết, dịch sởi, dịch cúm ở người. Dịch sởi xảy ra tại 10/10 huyện, thành phố, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị, không chế và dập dịch được kịp thời. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai kịp thời và có hiệu quả. Tổ chức tiêm bổ sung vắc xin sởi cho các cháu trong độ tuổi đảm bảo an toàn. Công tác khám, chữa bệnh tại các bệnh viện, chất lượng điều trị được chú trọng, tỷ lệ bệnh nhân điều trị khỏi bệnh đạt trên 91%, tỷ lệ chuyển viện tuyến trên giảm nhiều. Bình quân các đơn vị triển khai được trên 77% danh mục dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, đồng thời triển khai một số kỹ thuật của tuyến trên, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các dịch vụ ngay tại địa phương. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 14%; thực hiện phòng chống lao đạt 58% kế hoạch năm, tỷ lệ điều trị khỏi đạt 95%. Thu hút thêm 20 bác sỹ về công tác tại các bệnh viện trong tỉnh. Công tác quản lý các bệnh xã hội được quan tâm; an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo, không xảy ra ngộ độc thực phẩm tập thể. Việc quản lý hệ thống hành nghề y, được tư nhân được tăng cường. Tiếp tục triển khai xây dựng Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện đa khoa Phố Nối, Bệnh viện Mắt và các Trạm Y tế xã.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được duy trì, tuyên truyền sâu rộng các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình. Các hoạt động bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em luôn được chú trọng thực hiện, tỷ lệ quản lý thai nghén trên 98,6%, tỷ lệ phụ nữ có thai được khám trên 3 lần đạt 99%, số ca mắc tai biến sản khoa giảm.

10. Văn hóa, thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi tại khắp các địa phương trong tỉnh chào mừng, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh. Tập trung tuyên truyền cổ động kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, bảo vệ chủ quyền biển đảo, xây dựng nông thôn mới và trưng bày hiện vật, hình ảnh, giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo, góp phần tăng cường công tác tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần của người dân. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở tiếp tục được quan tâm với nhiều hình thức phong phú, số làng khu phố văn hóa đạt 84%, số gia đình văn hóa đạt 87%. Công tác quản lý lễ hội được quan tâm, đảm bảo vui tươi, lành mạnh. Các hoạt động biểu diễn, giao lưu văn nghệ và chiếu phim diễn ra sôi nổi trong toàn tỉnh.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng thu hút được đông đảo nhân dân tham gia; các chỉ tiêu về số người tập luyện TDTT, số gia đình thể thao ngày một tăng; thể thao thành tích cao có bước phát triển khá. Nhiều xã, phường, thị trấn dành đất xây dựng cơ sở vật chất cho văn hóa, thể thao. Tổ chức Đại hội thể dục

thể thao toàn tỉnh lần thứ VII đảm bảo thiết thực và hiệu quả. Công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch được đẩy mạnh, số lượt khách du lịch đến thăm Hưng Yên ngày một tăng.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng các công trình văn hoá trọng điểm của tỉnh như: Tượng đài Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Bảo tàng tỉnh...

11. Lao động Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm được chú trọng. Giải quyết việc làm mới cho 8.610 lao động, đạt 43% kế hoạch; trong đó xuất khẩu 1.058 lao động, đạt 35% kế hoạch. Tổ chức 7 phiên giao dịch việc làm với sự tham gia của 169 lượt doanh nghiệp, trên 6.200 người được tư vấn, phỏng vấn việc làm, 1.384 lao động được tuyển dụng trực tiếp, 393 lao động được tư vấn tuyển sinh vào học nghề. Cấp phép 08 doanh nghiệp tuyển lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tổ chức lễ phát động hưởng ứng tuân lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ 16.

Tổ chức chu đáo việc thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán 2014 tới các cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa và Đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng với kinh phí khoảng 19 tỷ đồng; trao quà của Chủ tịch nước 37.077 người và gia đình có công 7,6 tỷ đồng; quà của tỉnh 37.743 người và gia đình có công 11,3 tỷ đồng; tiếp nhận, rút hồ sơ, xét duyệt, ra quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sỹ đối với 5.261 thân nhân liệt sỹ; trợ cấp mai táng phí, trợ cấp một lần, trợ cấp tuất từ trần đối với 1.082 thân nhân của người có công từ trần. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị và được Chủ tịch Nước phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng 73 Mẹ, truy tặng 549 Mẹ đọt I/2014; rà soát công tác khen thưởng đề nghị Chủ tịch Nước tặng 130 Huân chương Độc lập cho người có công. Khẩn trương thực hiện Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, xây dựng mới 644 nhà, sửa chữa 179 nhà, kinh phí đầu tư trên 32,5 tỷ đồng (ngân sách Trung ương tạm ứng 11,5 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 22 tỷ đồng).

Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, công tác bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, người cao tuổi, phòng chống tệ nạn xã hội,... Tặng quà Tết cho 17.043 hộ nghèo ăn Tết 5,1 tỷ đồng, 608 đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tập trung 121,6 triệu đồng; tặng quà, chúc thọ cho 70.947 người cao tuổi trên 7 tỷ đồng; trợ giúp 259 hộ nghèo, khó khăn có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết Nguyên Đán Giáp Ngọ 129,5 triệu đồng; tổ chức trao học bổng, bảo trợ cho 235 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo vượt khó 242 triệu đồng. Tổ chức thăm, tặng quà cho trên 5.000 trẻ em, với tổng kinh phí trên 1,6 tỷ đồng.

12. Thông tin liên lạc, báo chí, phát thanh và truyền hình

Mạng lưới và dịch vụ Bưu chính, Viễn thông, Internet trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh, đặc biệt là Viễn thông và Internet, đáp ứng được nhu cầu cao về sử dụng dịch vụ của nhân dân. Toàn tỉnh hiện có 164 điểm bưu cục với bán kính phục vụ bình quân 1,34 km/điểm, số dân phục vụ bình quân 6.915 người/điểm; Tổng số trạm phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh có 905 trạm; số thuê

bao điện thoại 121.281 thuê bao (trong đó có 61.523 thuê bao cố định; 59.758 thuê bao di động trả sau); thuê bao internet 32.753 thuê bao, đạt mật độ 2,9 thuê bao/100 người dân. Doanh thu viễn thông, internet ước đạt 330 tỷ đồng.

Các cơ quan báo chí, truyền hình đã truyền tải kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của tỉnh tới người dân; đăng tải, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, các điển hình tiên tiến; phê phán các biểu hiện, việc làm sai trái, lãng phí, tiêu cực, có sức hút và sự lan tỏa sâu rộng. Công tác quản lý báo chí, xuất bản, tần số vô tuyến điện, phát thanh truyền hình có tiến bộ.

13. Quốc phòng quân sự địa phương, an ninh trật tự, thanh tra, tư pháp

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng vững chắc khu vực phòng thủ tỉnh, kế hoạch phòng chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu sập đổ công trình. Tổ chức tuần tra, canh gác, kiểm soát quân sự bảo đảm an toàn. Tổ chức lễ ra quân và huấn luyện cho lực lượng vũ trang tỉnh đạt kết quả; khảo sát xã, phường, thị trấn trong khu vực phòng thủ. Đã tổ chức tập huấn 08 lớp cán bộ các cấp; huấn luyện dân quân tự vệ 161 xã, phường, thị trấn và 207 đơn vị tự vệ với quân số tham gia huấn luyện 18.582 người. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được thực hiện thường xuyên. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân đợt I năm 2014 đảm bảo chất lượng. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và tham gia xây dựng nông thôn mới.

Công tác phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự được tăng cường. Đã phát hiện khởi tố điều tra 470 vụ, 904 bị can; trong đó 291 vụ, 334 bị can phạm tội về trật tự xã hội; 13 vụ với 22 bị can phạm tội về kinh tế, chức vụ; 58 vụ với 71 bị can phạm tội về ma túy; 63 vụ với 428 bị can phạm tội đánh bạc; 13 vụ với 16 bị can phạm tội về mại dâm. Khởi tố 23 vụ với 23 bị can vi phạm trật tự an toàn giao thông; xử phạt 18.820 trường hợp trên 11 tỷ đồng. Truy bắt 79 đối tượng truy nã; xử lý 31 vụ trốn thuế, gian lận thương mại... truy thu nộp ngân sách trên 1 tỷ đồng; 27 vụ, việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phạt tiền 193 triệu đồng và tiêu hủy 7 tấn tốp mỡ... Tình hình khiếu kiện đông người, vượt cấp giảm, nhưng vẫn diễn ra ở 3 xã trong vùng Dự án Khu đô thị Thương mại-Du lịch Văn Giang; có 39 nhóm, 2.889 lượt công dân đi các cấp khiếu kiện. Xảy ra 03 vụ đình công, 5 doanh nghiệp kiến nghị tăng lương, thực hiện chế độ đối với người lao động.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng khắp, đã đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện Hiến pháp năm 2013, Luật Đất đai năm 2013. Công tác xây dựng và thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật được tăng cường.

Công tác thanh tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, giải quyết nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân. Đã tiếp 658 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; nhận 294 đơn

thư, trong đó có 3 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền cấp tỉnh đang được xem xét giải quyết. Tiến hành 52 cuộc thanh tra kinh tế, xã hội, 21 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, kiến nghị xử lý về kinh tế số tiền 1.147 triệu đồng, thu hồi nộp ngân sách nhà nước 878 triệu đồng.

14. Cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí

Các cấp chính quyền đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách hành chính. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, góp phần minh bạch trong các cơ quan hành chính của tỉnh. Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2014, Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Hưng Yên năm 2013 để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân đối với cải cách hành chính nói chung và đánh giá kết quả cải cách hành chính hàng năm của tỉnh nói riêng; xây dựng xong Đề án vị trí việc làm tại các cơ quan hành chính của tỉnh. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh rà soát thủ tục hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; duy trì, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai TTHC để người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin được kịp thời, thuận tiện và hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý nghiêm hành vi những nhiều, tiêu cực, phiền hà trong giải quyết TTHC.

Công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được tăng cường. Qua thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thi đua khen thưởng và văn thư-lưu trữ thực hiện theo đúng qui định pháp luật.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn thách thức, 6 tháng đầu năm, kinh tế-xã hội của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả khá toàn diện. Sản xuất nông nghiệp cơ bản được mùa; công nghiệp và xây dựng, thương mại và dịch vụ tăng khá, cao hơn mức bình quân chung của cả nước; vốn đầu tư phát triển, kim ngạch xuất khẩu tăng cao; thu ngân sách đạt khá; hệ thống tín dụng, ngân hàng hoạt động ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh. Công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống nhân dân cơ bản ổn định. Cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được tăng cường. Quốc phòng quân sự địa phương được đảm bảo. Công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và tệ nạn được đẩy mạnh; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

II. NHỮNG MẶT CÒN HẠN CHẾ

1. Chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao còn chậm. Tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt thấp, nợ xấu vẫn ở mức cao. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm tiêu thụ chậm.

2. Công tác dồn thửa đổi ruộng, xử lý đất dôi dư, cấp giấy chứng nhận QSD đất, xử lý vi phạm môi trường, ở một số huyện, thành phố thực hiện chậm so với kế hoạch, chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết.

3. Nhiều xã chưa chủ động, tích cực huy động sức dân, còn trông chờ, ỷ lại trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nên kết quả còn hạn chế; đánh giá xác định các tiêu chí còn cứng nhắc. Công tác chỉ đạo thực hiện ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức, chưa sâu sát, thiếu quyết liệt.

4. Tiến độ triển khai một số dự án lớn, trọng điểm chậm do khó khăn về nguồn vốn, nhà thầu thi công chưa tích cực. Tiến độ thi công một số dự án ODA quá chậm do vướng mắc về thủ tục hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu, nhất là dự án cấp nước thành phố Hưng Yên vốn vay Phần Lan.

5. Công tác quản lý thu thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, thu thuế đối với hoạt động xây dựng tình ngoài còn gặp khó khăn do chính sách chưa đồng bộ, chế tài chưa đủ mạnh. Hiện tượng trốn thuế và nợ đọng thuế vẫn còn là vấn đề đáng quan tâm.

6. Tình trạng ô nhiễm môi trường, lấn chiếm đất đai, lấn chiếm hành lang giao thông, thuỷ lợi, đê điều, một số dự án tiếp nhận đã quá thời hạn qui định nhưng chưa thực hiện đầu tư, chậm được xử lý. Chất lượng một số dự án, đề tài nghiên cứu khoa học còn thấp, hiệu quả ứng dụng chưa cao.

7. Chất lượng khám chữa bệnh tại một số cơ sở y tế chưa theo kịp yêu cầu; việc tăng cường bác sỹ về Trạm Y tế xã hiệu quả còn thấp. Công tác đào tạo chuyển đổi nghề, tạo thu nhập cho người dân có đất bị thu hồi để phát triển đô thị và công nghiệp còn chậm; lao động thiếu việc làm, việc làm chưa ổn định và thu nhập bấp bênh chưa có chiều hướng giảm.

8. Công tác phòng, chống cháy nổ còn hạn chế, để xảy ra vụ cháy chợ Phố Hiến gây thiệt hại về tài sản. Công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra về đảm bảo trật tự an toàn giao thông vận tải đường bộ chưa được xử lý kiên quyết, còn để diễn ra tình trạng xe quá khổ, quá tải lưu thông trên địa bàn tỉnh. Tình hình tai nạn giao thông chưa được cải thiện rõ rệt. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại ở các cấp hiệu quả chưa cao, dẫn đến đơn thư khiếu kiện vượt cấp, kéo dài.

9. Công tác cải cách hành chính tuy đã có những chuyển biến, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Chất lượng và hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, tinh thần trách nhiệm thấp; công tác phối hợp giải quyết công việc giữa các cấp, các ngành chưa thực sự chủ động, gây chậm trễ khi thực hiện nhiệm vụ.

Phần thứ ba

MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2014

Phát huy những kết quả đạt được, những nhân tố và kinh nghiệm tốt; tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém; trên cơ sở những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được thông qua tại Kỳ họp thứ 6-HĐND tỉnh khoá XV và nhiệm vụ còn lại của 6 tháng cuối năm, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất vụ mùa, chủ động sản xuất vụ đông, phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm và thủy sản. Thực hiện có hiệu quả các phương án phòng chống lụt, bão, úng. Đẩy mạnh Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới; các Chương trình, kế hoạch hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giải quyết xử lý tình trạng vi phạm lấn chiếm công trình thủy lợi. Ban hành một số cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh chuyển đổi diện tích đất lúa thu nhập thấp sang mô hình nuôi trồng tổng hợp (theo Thông tư 47); đẩy nhanh việc xây dựng và phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, nhất là đưa mạnh các giống lúa, cây, con năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất; phát triển đàn trâu, bò, nuôi trồng thủy sản gắn với chăn nuôi an toàn và giám sát dịch bệnh. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; Đề án sản xuất giống lúa, giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015; Chương trình MTQG vệ sinh an toàn thực phẩm, nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn và dạy nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn. Phân đấu khoảng 20 xã đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm 2014 và đến năm 2015 đạt 25% số xã.

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với doanh nghiệp; đổi mới và mở rộng hoạt động khuyến công, kịp thời tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp ổn định sản xuất. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, chủ động ứng phó với biến động của thị trường, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên những dự án lớn, hàm lượng công nghệ cao, đóng góp nhiều ngân sách và thân thiện với môi trường, nhất là các dự án FDI từ các quốc gia và vùng lãnh thổ phát triển có trình độ cao. Chú trọng đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án đang triển khai, đặc biệt khuyến khích đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh nhằm tăng năng lực sản xuất, sử dụng đất có hiệu quả, tăng số lao động và tăng thu ngân sách. Rà soát, chấn chỉnh, thu hồi những dự án đã được cấp phép nhưng quá thời hạn, không thực hiện đầu tư. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2011-2015, định hướng 2020.

3. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, đấu tranh với các hành vi buôn lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; Tích cực hơn trong mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hàng xuất khẩu, tăng dần tỷ trọng hàng xuất khẩu qua chế biến. Tăng cường quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải; kiểm tra xử lý nghiêm các vi phạm về giao thông, nhất là xe quá tải, quá khổ; hạn chế thấp nhất tai nạn giao thông.

4. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch xây dựng huyện Văn Lâm, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hưng Yên, quy hoạch xây dựng vùng các huyện Ân Thi, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Tiên Lữ, Yên Mỹ; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị huyện Mỹ Hào để đảm bảo đủ điều kiện được công nhận đô thị loại IV vào cuối năm 2014 và trở thành thị xã vào năm 2015; tiếp tục thực hiện đề án hỗ trợ người có công về nhà ở.

5. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tập trung xem xét, hỗ trợ, giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tiến độ xây dựng các dự án. Tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; hạn chế phát sinh mới và giảm mạnh nợ đọng XDCB. Hoàn thành thảm nhựa mặt đường trên đê tả sông Hồng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đường tỉnh lộ 200, nạo vét, nâng cấp sông Cửu An-Đồng Quê, sông Điện Biên... Hoàn thành Dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh. Tiếp tục thực hiện cứng hoá các tuyến đường xã, thôn và đường ra đồng theo đề án đã duyệt. Triển khai thực hiện kịp thời cơ chế hỗ trợ xi măng để đầu tư các công trình đường thôn, xóm, đường ra đồng.

6. Tăng cường quản lý thu, thu đúng, thu đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước; đẩy mạnh xử lý giảm nợ đọng thuế; kiểm tra thúc đẩy tiến độ nộp tiền thuê đất của các đơn vị, doanh nghiệp. Phân đấu tăng thu 5% so dự toán năm 2014 giao. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, quản lý chặt chẽ dự phòng ngân sách và nguồn tiết kiệm chi để chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh và dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Rà soát, giãn, hoãn, cắt giảm các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết. Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên. Không bổ sung các đề án, chương trình, ban hành các chính sách mới hoặc nâng định mức làm tăng chi ngân sách nhà nước khi chưa xác định được nguồn đảm bảo.

7. Mở rộng đầu tư cho vay, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng phù hợp, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh. Triển khai cho vay theo chuỗi sản xuất, mô hình kết nối giữa ngân hàng, doanh nghiệp, hộ nông dân. Thực hiện tốt việc quản lý hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, chú trọng chất lượng hoạt động đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về quản lý sử dụng tài nguyên và môi trường. Đẩy nhanh tiến độ dồn thửa đổi ruộng đất nông nghiệp và xử lý đất dôi dư, đo đạc, lập bản đồ hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai theo đúng trình tự của pháp luật; tiến độ cấp giấy chứng nhận QSD đất và tài sản khác gắn liền với đất. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chỉ đạo quyết liệt xử lý các vi phạm rác thải, chất thải rắn, nước thải tại các doanh nghiệp; rác thải y tế bệnh viện và rác thải sinh hoạt nông thôn; hoàn thành phương án xử lý bãi rác thải xã Dị Sử. Nâng cao chất lượng và hiệu quả các đề tài, dự án khoa học công nghệ; đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về đo lường chất lượng, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng.

9. Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới giáo dục và đào tạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI), Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ, Kế hoạch của UBND tỉnh về “Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo” trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án về giáo dục và đào tạo đã được phê duyệt. Tổ chức, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2014-2015; trong đó chú trọng việc huy động trẻ đến trường, bàn giao học sinh vào lớp 1, lớp 6 và tuyển sinh vào lớp 10 THPT; duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng kết quả phổ cập

giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo tiểu học mức độ 2 và phổ cập trung học cơ sở. Triển khai đồng bộ các giải pháp để dạy tốt, học tốt, quản lý tốt. Phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và phẩm chất năng lực của học sinh; nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xuất khẩu lao động.

10. Chú trọng công tác y tế dự phòng, giám sát dịch bệnh, chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để dịch bệnh bùng phát, nhất là các dịch bệnh tay chân miệng, dịch sởi, dịch bệnh mùa hè. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, vệ sinh an toàn thực phẩm, chú trọng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các hạng mục còn lại của Bệnh viện Đa khoa Phố Nối, Bệnh viện Sản-Nhi, Bệnh viện Mắt; tiếp tục xây dựng các Trạm Y tế, nhất là 8 xã được hỗ trợ từ nguồn vốn xã số kiến thiết. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở khám chữa bệnh và kinh doanh thuốc tư nhân; kiểm soát chặt chẽ việc thẩm định và cấp Chứng chỉ hành nghề, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược theo quy định. Đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình.

11. Quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 43-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020; đẩy mạnh "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; "Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Hoàn thành Dự án xây dựng Tượng đài Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án Bảo tàng tỉnh. Tích cực tham gia các Chương trình Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VII đạt mục tiêu đề ra.

12. Đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu Chương trình dạy nghề, việc làm và giảm nghèo, nhất là dạy nghề cho lao động nông thôn. Phát triển thị trường lao động, xây dựng hệ thống dữ liệu về thị trường lao động và sàn giao dịch việc làm, có chính sách hỗ trợ người lao động tìm việc làm, tự tạo việc làm. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần đối với người có công; giải quyết những tồn đọng, chi trả kịp thời; hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền kịp thời phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" và Huân chương Độc lập cho người có công vào dịp Ngày Quốc khánh 2/9; tổng rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 27/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Tiếp tục ứng dụng rộng rãi có hiệu quả các chương trình công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính viễn thông. Phát triển và mở rộng khả năng cung cấp, đồng thời quản lý chặt chẽ các dịch vụ Internet. Nâng cao chất lượng và đa dạng các hoạt động thông tin báo chí, phát thanh, truyền hình, kịp thời truyền tải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các thông tin kinh tế-xã hội của tỉnh đến với nhân dân.

14. Thực hiện toàn diện nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tô quốc; duy trì lực lượng, phương tiện sẵn sàng chiến đấu, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ; hoàn thành 100% các chỉ tiêu về huấn luyện, kiểm tra và nhiệm vụ tuyển quân đợt II năm 2014. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh đạt kết quả tốt. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; tập trung nắm chắc tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn; tập trung đấu tranh triệt phá, không để hình thành tội phạm có tổ chức, các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội. Làm tốt công tác tuyên truyền, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ cơ sở, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội, hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp, nhất là của các công dân 3 xã vùng dự án Khu Đô thị - Du lịch Văn Giang. Phát hiện, xử lý nghiêm số đối tượng lôi kéo, kích động người tham gia khiếu kiện vi phạm pháp luật. Kịp thời phát hiện, giải quyết để hạn chế đình công, lãn công. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự và an toàn giao thông.

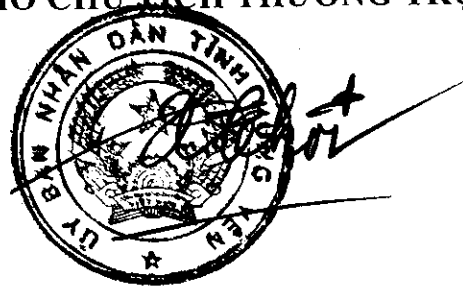
15. Nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế trên cơ sở quy định của pháp luật để thay thế những quy định không còn phù hợp theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và thông thoáng về thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động phát triển kinh tế-xã hội. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng điện tử, hiện đại, công khai, minh bạch để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận và thuận lợi. Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các sở, ngành, địa phương theo Nghị định của Chính phủ. Nâng cao chất lượng tuyển dụng và ý thức kỷ luật, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức chấp hành của nhân dân.

Nhiệm vụ còn lại 6 tháng cuối năm 2014 rất nặng nề, trong bối cảnh nhiều khó khăn thách thức. Do vậy, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh cần nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2014. *o*

Nơi nhận:

- Các đại biểu dự Hội nghị;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Xuân Thới

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
A. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP				
1. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	16,339,301	17,493,213	107.06
+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	3,210,374	3,238,153	100.87
+ Công nghiệp và xây dựng	"	8,483,580	9,135,329	107.68
<i>Công nghiệp</i>	"	7,563,968	8,120,182	107.35
<i>Xây dựng</i>	"	919,612	1,015,147	110.39
+ Thương mại và dịch vụ	"	4,645,347	5,119,730	110.21
2. GTSX Nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá so sánh	Tr. đồng	6,101,347	6,158,803	100.94
3. Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	107.38	107.35	
4. GTSX Thương mại, dịch vụ theo giá so sánh	Tr. đồng	6,483,101	7,146,563	110.23
Trong đó:				
- <i>GTSX thương mại, dịch vụ trừ thuế nhập khẩu</i>		5,801,979	6,259,364	107.88
- <i>Thuế nhập khẩu</i>		681,123	887,199	130.26
5. Tổng vốn đầu tư phát triển	Tr. đồng	8,942,277	9,853,053	110.19
6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ	Tr. đồng	8,086,232	8,896,692	110.02
7. Kim ngạch xuất khẩu	1000USD	750,137	988,489	131.77
8. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI)	%	101.76	103.76	
9. Số lượng hành khách vận chuyển	1000HK	4,515	4,730	104.75
10. Khối lượng hàng hóa vận chuyển	1000 tấn	9,329	9,651	103.46
B. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NGÀNH				
I. NÔNG NGHIỆP				
1. Giá trị sản xuất Nông, lâm và thủy sản theo giá so sánh 2010	Triệu đồng	6,101,347	6,158,803	100.94
- Nông nghiệp	"	5,594,370	5,623,500	100.52

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
+ Trồng trọt	"	3,174,577	3,227,577	101.67
+ Chăn nuôi	"	2,355,453	2,329,443	98.90
+ Dịch vụ	"	64,340	66,480	103.33
- Lâm nghiệp	"	7,846	7,841	99.94
- Thủy sản	"	499,131	527,462	105.68
2. Trồng trọt vụ Đông Xuân				
Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm	Ha	61,586	60,744	98.63
- Diện tích cây lương thực	Ha	47,640	46,478	97.56
+ Cây lúa	Ha	40,416	39,534	97.82
Năng suất	Tạ/ha	67.61	66.49	98.36
Sản lượng	Tấn	273,242	262,880	96.21
+ Cây ngô	Ha	7,223	6,944	96.13
Năng suất	Tạ/ha	55.46	55.73	100.49
Sản lượng	Tấn	40,061	38,700	96.60
- Cây lấy bột	Ha	690	589	85.39
Trong đó:				
+ Khoai lang	Ha	651	528	81.14
Năng suất	Tạ/ha	143.47	148.67	103.63
Sản lượng	Tấn	9,336	7,850	84.08
- Cây công nghiệp	Ha	2,350	2,149	91.45
Trong đó:				
+ Đậu tương	Ha	1,555	1,377	88.54
Năng suất	Tạ/ha	19.06	19.24	100.97
Sản lượng	Tấn	2,964	2,650	89.41
+ Lạc	Ha	793	769	96.95
Năng suất	Tạ/ha	31.48	33.36	105.97
Sản lượng	Tấn	2,497	2,565	102.74
- Rau, đậu, hoa, cây cảnh	Ha	8,870	9,066	102.21
Trong đó:				
+ Rau các loại	Ha	8,471	8,558	101.03
Năng suất	Tạ/ha	223.39	232.75	104.19

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
Sản lượng	Tấn	189,232	199,185	105.26
- Cây hàng năm khác	Ha	249	298	119.68
3. Chăn nuôi				
- Đàn gia súc, gia cầm				
+ Trâu	Con	2,106	2,319	110.11
+ Bò	Con	37,367	36,402	97.42
+ Lợn	Con	578,071	521,858	90.28
+ Gia cầm	1000 con	8,427	7,566	89.78
- Sản lượng chăn nuôi	Tấn	67,144	65,432	97.45
+ Trâu	"	103	120	116.50
+ Bò	"	1,398	1,465	104.79
+ Lợn	"	52,334	50,475	96.45
+ Gia cầm	"	13,309	13,372	100.47
4. Nuôi trồng thủy sản				
- Diện tích	Ha	4,392	4,400	100.18
- Sản lượng	Tấn	15,677	16,612	105.96
+ Nuôi trồng	"	15,293	16,222	106.07
+ Khai thác	"	385	399	103.64
II. CÔNG NGHIỆP				
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	%	107.38	107.35	
- Công nghiệp khai thác	%	110.00	108.14	
- Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	107.10	107.29	
- SX và PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước	%	126.59	114.57	
- Cung cấp nước, HĐ quản lý và xử lý rác thải...	%	109.89	108.45	
2. Chỉ số sản phẩm công nghiệp chủ yếu				
- Cát tự nhiên các loại	%	110.00	108.91	
- Mỹ thanh, mỹ ống, mì xoắn	%	108.45	112.67	
- Thức ăn cho gia súc, gia cầm	%	112.33	107.41	
- Quần áo các loại	%	110.00	114.80	
- Bao bì và túi bằng giấy các loại	%	108.59	112.60	
- Giấy vệ sinh	%	110.55	111.71	

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
- Sơn và véc ni tan trong môi trường nước	%	108.21	110.11	
- Bao bì bằng chất dẻo các loại	%	108.31	108.69	
- Sản phẩm bằng plastic các loại	%	107.34	110.27	
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (quy chuẩn 220x105x60mm)	%	109.65	109.99	
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	%	108.15	109.67	
- Thép cán các loại	%	102.56	112.50	
- Chậu rửa và bồn rửa bằng thép không gỉ	%	108.57	108.22	
- Sản phẩm bằng kim loại cơ bản khác	%	110.93	112.15	
- Máy thu hình (Tivi,...)	%	106.32	98.72	
- Dây điện đơn dạng cuộn	%	119.77	114.54	
- Tủ lạnh	%	109.98	108.68	
- Xe máy dung tích 50cc trở lên	%	100.09	88.02	
- Động cơ các loại	%	104.15	90.96	
III. ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG				
1. Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng	8,942,277	9,853,053	110.19
Phân theo nguồn vốn	"	8,942,277	9,853,053	110.19
- Vốn đầu nhà nước	Triệu đồng	1,517,844	1,663,081	109.57
+ Vốn ngân sách Trung ương	"	266,315	261,765	98.29
+ Vốn ngân sách Địa phương	"	1,251,529	1,401,316	111.97
- Vốn đầu tư ngoài nhà nước	Triệu đồng	5,562,052	5,986,435	107.63
+ Vốn của các tổ chức, doanh nghiệp	"	2,624,464	2,708,776	103.21
+ Vốn của các hộ dân cư	"	2,937,588	3,277,659	111.58
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu đồng	1,862,381	2,203,537	118.32
+ Vốn tự có của doanh nghiệp FDI	"	863,886	1,026,168	118.79
+ Vốn vay của doanh nghiệp FDI	"	998,495	1,177,369	117.91
Phân theo khoản mục đầu tư				
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	6,428,526	7,161,279	111.40
- Vốn đầu tư mua sắm TSCĐ không qua XD/CB	"	1,075,464	1,219,579	113.40
- Vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp TSCĐ	"	286,847	311,375	108.55
- Vốn đầu tư bổ sung lưu động	"	1,078,124	1,088,605	100.97
- Vốn đầu tư khác	"	73,316	72,215	98.50

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
2. Xây dựng				
- Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành	Triệu đồng	3,515,831	3,930,148	111.78
- Giá trị sản xuất xây dựng theo giá so sánh 2010	"	3,019,258	3,339,595	110.61
IV. THƯƠNG MẠI, GIÁ CẢ				
1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tr.đồng	8,086,232	8,896,692	110.02
1.1 Phân theo loại hình kinh tế	"	8,086,232	8,896,692	110.02
- Kinh tế nhà nước	"	15,035	17,195	114.37
- Kinh tế tập thể	"	7,214	7,281	100.93
- Kinh tế cá thể	"	5,968,315	6,542,261	109.62
- Kinh tế tư nhân	"	2,048,868	2,267,746	110.68
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	46,800	62,209	132.93
1.2 Phân theo ngành kinh tế	Tr.đồng	8,086,232	8,896,692	110.02
- Thương nghiệp	"	7,105,265	7,823,364	110.11
- Khách sạn nhà hàng	"	497,898	553,364	111.14
- Dịch vụ	"	483,069	519,964	107.64
2. Xuất, Nhập khẩu				
2.1 Xuất khẩu				
- Kim ngạch xuất khẩu	1000USD	750,137	988,489	131.77
+ Kinh tế ngoài nhà nước	"	260,290	381,928	146.73
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	489,847	606,561	123.83
- Mặt hàng chủ yếu				
Sản phẩm bằng Plastic	1000USD	22,267	43,335	194.62
Hàng dệt may	"	370,373	401,603	108.43
Giày dép các loại	"	44,060	48,039	109.03
Hàng thủ công mỹ nghệ	"	2,597	2,150	82.79
Hàng điện tử	"	68,180	88,830	130.29
2.2 Nhập khẩu				
- Kim ngạch nhập khẩu	1000USD	942,468	1,196,126	126.91
+ Kinh tế ngoài nhà nước	"	349,544	530,709	151.83
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	592,924	665,417	112.23
- Mặt hàng chủ yếu				

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 6 tháng năm 2013	Ước tính 6 tháng năm 2014	So sánh với 6 tháng năm 2013 (%)
Vải may mặc	1000USD	170,662	189,526	111.05
Phụ liệu may mặc	"	123,626	133,158	107.71
Phụ liệu giày dép	"	26,675	17,022	63.81
Linh kiện điện tử	"	203,857	212,431	104.21
3. Giá cả hàng hóa, dịch vụ				
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân chung so cùng kỳ năm trước	%	106.79	103.76	
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	%	103.08	104.02	
Đồ uống và thuốc lá	%	108.93	107.49	
May mặc, mũ, nón, giày, dép	%	108.34	105.20	
Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD	%	107.16	105.30	
Thiết bị và đồ dùng gia đình	%	108.67	103.16	
Thuốc và dịch vụ y tế	%	137.31	101.04	
Giao thông	%	103.06	103.33	
Bưu chính, viễn thông	%	100.23	99.90	
Giáo dục	%	112.26	100.18	
Văn hoá, thể thao, giải trí	%	107.66	104.86	
Đồ dùng và dịch vụ khác	%	111.98	107.17	
Chỉ số giá vàng	%	95.48	83.22	
Chỉ số giá Đô la Mỹ	%	99.69	100.55	
V. VẬN TẢI				
1. Doanh thu	Triệu đồng	895,408	1,005,081	112.25
- Hành khách	"	178,750	198,681	111.15
- Hàng hoá	"	716,657	806,400	112.52
2. Sản lượng				
2.1 Vận tải Hành khách				
- Hành khách vận chuyển	1000 HK	4,515	4,730	104.75
- Hành khách luân chuyển	1000 HK.Km	284,551	299,814	105.36
2.2 Vận tải Hàng hoá				
- Khối lượng vận chuyển	1000 tấn	9,329	9,651	103.46
- Khối lượng luân chuyển	1000 T.Km	340,102	352,517	103.65